

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4733A/SNNMT-CCBVMT ngày 11/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thẩm định Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang đã thông qua Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12/6/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó “23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km², quy mô dân số là 4.952.238 người.”.

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang đã thông qua Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Theo đó, quyết định áp dụng Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang mới cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường quy định:

“11. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

“**Điều 41. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường**

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường đối với các

đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ quy định thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp dự án đầu tư, cơ sở nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc dự án đầu tư, cơ sở nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ chế phối hợp với các địa phương có liên quan.”.

Đồng thời, đối tượng cấp giấy phép môi trường tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại điểm a, điểm b khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. Do đó, quy định của Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND đã không còn phù hợp.

Khoản 3 Điều 45 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025 quy định:

“Điều 45. Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.”.

Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định:

“Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.”.

Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND) là **cần thiết và đúng thẩm quyền**.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh: khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định: “*Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.*”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát phạm vi điều chỉnh, tên gọi của dự thảo Nghị quyết so với tên gọi văn bản tại Thông báo số 329/TB-TTHĐND ngày 19/12/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh “*Chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang theo trình tự, thủ tục thông thường.*”.

2. Đối tượng áp dụng: khoản 2 Điều 1 dự thảo quy định:

“2. *Đối tượng áp dụng*

a) *Tổ chức thu phí: Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang (đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang) được giao nhiệm vụ thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang là cơ quan nhà nước thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.*

b) *Đối tượng chịu phí: các tổ chức, cá nhân là chủ dự án đầu tư, cơ sở đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.*

c) *Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến thu, nộp phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang..”.*

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xác định thống nhất tổ chức thu phí tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo theo quy định, vì có loại phí tổ chức thu là Sở Nông nghiệp và Môi trường. Đồng thời, rà soát không quy định giải thích nhiệm vụ của tổ chức thu phí tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo vì thừa.

Đồng thời, rà soát cụm từ “*đối tượng chịu phí*” hay “*đối tượng nộp phí*” cho thống nhất giữa các nghị quyết quy định mức thu phí mà quý cơ quan đang tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ ban hành dự thảo Nghị quyết, đề nghị:

a) Điều chỉnh căn cứ thứ năm theo hướng cập nhật các luật sửa đổi, bổ sung Luật Phí và lệ phí, gợi ý điều chỉnh như sau:

“*Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 60/2024/QH15, Luật số 74/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số 94/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;”.*

b) Rà soát sự phù hợp của việc căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC được

sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC, đề nghị cơ quan chuyên môn xin ý kiến của Bộ chuyên ngành đối với hiệu lực của hai văn bản trên, vì khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 57 như sau:

“2. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần do có văn bản quy phạm pháp luật khác thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành văn bản đó hết hiệu lực, trừ trường hợp được công bố tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần. Văn bản công bố là văn bản hành chính phải được đăng tải trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.”.

2. Điều 2 dự thảo quy định:

“Điều 2. Mức thu

1. Mức thu phí theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

a) Phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường:

- Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đồng thời không có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc có thay đổi nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định và Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 6.000.000 đồng/hồ sơ.

- Cơ sở, dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định:

+ Đối với các cơ sở, dự án đầu tư trên đất liền: 9.350.000 đồng/hồ sơ;

+ Đối với các cơ sở, dự án đầu tư trên đảo: 19.200.000 đồng/hồ sơ.

- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: 2.500.000 đồng/hồ sơ;

- Dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công được áp dụng theo trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường rút gọn: 3.500.000 đồng/hồ sơ.

b) Phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 300.000 đồng/hồ sơ.

2. Mức thu phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến: theo mức thu quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. *Mức thu phí quy định tại khoản 1 và 2 Điều này tính theo từng lần thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định.”.*

a) Đối tượng thu phí, mức thu phí tại khoản 1 Điều 2 dự thảo do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, xác định tại Đề án thu phí và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát điều chỉnh bố cục của khoản 1 Điều 2 dự thảo theo bố cục khoản, điểm, không sử dụng các ký hiệu khác (gạch đầu dòng, cộng đầu dòng) để thể hiện các ý trong một điểm vì không thể viện dẫn trong quá trình áp dụng.

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, không quy định khoản 2 Điều 2 dự thảo vì thừa.

3. Điều 3 dự thảo quy định khai, thu, nộp, quản lý và quyết toán phí. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc quy định đảm bảo theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP:

“Điều 3. Khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí

1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện khai (nếu có), nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí và tình hình thực tế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định cụ thể hình thức nộp, kỳ khai, nộp phí, lệ phí cho phù hợp.”.

Đồng thời, thuyết minh cơ sở để quy định nội dung tại khoản 1 Điều 3 dự thảo: *“1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh, hoàn thành việc nộp phí trước thời gian tổ chức thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường theo thông báo nộp phí của tổ chức thu phí...”.*

4. Nơi nhận của dự thảo Nghị quyết, đề nghị điều chỉnh “*Công báo tỉnh*” thành “*Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh*”, “*Cục KTVB và QLXLVPHC*” thành “*Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật*”.

IV. TỜ TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Đề nghị điều chỉnh bố cục tại các mục của dự thảo Tờ trình theo bố cục khoản, điểm.

2. Bản so sánh, thuyết minh dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh cơ sở quy định, tính kế thừa và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Dự thảo Nghị quyết được chấp thuận đăng ký xây dựng tại Thông báo số 329/TB-TTHĐND ngày 19/12/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến cơ quan có liên quan tại Công văn số 4225/SNNMT-CCBVMT ngày 28/4/2026 của Sở Nông

ng nghiệp và Môi trường về việc lấy ý kiến dự thảo Tờ trình và Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang và tổng hợp ý kiến tại Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý kèm theo.

VI. KẾT LUẬN

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo theo các ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, httram.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc